TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2025
V/v xin ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn H
Bà Hoàng Thị Thu Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H, sinh ngày: 05/7/1980; CCCD số: 042180007019, cấp ngày: 08/01/2022, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Nơi cư trú: Tổ dân phố Trường S, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Xuân H - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Trần Bá H - Chi nhánh Hà Tĩnh; địa chỉ: Số 427, đường Lê Đại H, phường Hưng T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Võ Văn T, sinh ngày: 10/4/1978; CCCD số: 042078001430, cấp ngày: 10/4/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Nơi cư trú: Tổ dân phố Trường S, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị H và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung: Chị Lê Thị H và anh Võ Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã Kỳ T, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là UBND phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh) ngày 22/7/2003, hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ cH sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù, hiện nay đang sống trong cùng một nhà nhưng chị và anh T không trao đổi, quan tâm nhau đã 05 năm nay, việc ai nấy làm, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ cH không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về con chung: Vợ cH có 03 con chung là Võ Thị Hà P, sinh ngày: 27/11/2003; Võ Mạnh C, sinh ngày: 01/5/2005 và Võ Mạnh P, sinh ngày: 03/12/2012. Hiện con Võ Thị Hà P và Võ Mạnh C đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên việc nuôi con và cấp dưỡng không đặt ra. Đối với con Võ Mạnh P có nguyện vọng được ở với mẹ nên chị có muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ cH không có nợ chung, không ai nợ vợ cH.

Ý kiến của bị đơn anh Võ Văn T: Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2025 và ngày 19/5/2025, bị đơn anh Võ Văn T trình bày: Anh T đồng ý với ý kiến của chị Lê Thị H về quá trình đi đến hôn nhân, thời gian chung sống, thời điểm đăng ký kết hôn, thời gian mâu thuẫn. Mặc dù, hiện anh và chị H đang sống cùng một nhà nhưng không nói chuyện với nhau, không quan tâm, sinh hoạt với nhau như vợ cH. Anh mong muốn chị H suy nghĩ lại để quay về đoàn tụ nuôi dạy con cái, tuy nhiên nếu chị H nhất quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Vợ cH có 03 con chung là Võ Thị Hà P, sinh ngày: 27/11/2003; Võ Mạnh C, sinh ngày: 01/5/2005 và Võ Mạnh P, sinh ngày: 03/12/2012. Hiện con Võ Thị Hà P và Võ Mạnh C đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên việc nuôi con không đặt ra. Đối với con Võ Mạnh P, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, tuy nhiên nếu chị H kiên quyết muốn nuôi con thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu để giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Đối với nhà cửa, đất đai vợ cH đang ở, anh đề nghị chị H viết bản cam kết không được chia tài sản mà để con cái sử dụng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Võ Văn T; Về con chung: Đối với các con đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; Giao con Võ Mạnh P, sinh ngày: 03/12/2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng, chị Lê Thị H không yêu cầu anh Võ Văn T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Võ Văn T không có nợ chung, không ai nợ vợ cH.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án để

giải quyết và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H được ly hôn anh Võ Văn T. Về con chung: Giao con Võ Mạnh P, sinh ngày: 03/12/2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi), anh Võ Văn T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có nợ chung, không ai nợ vợ cH, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] *Về tố tụng*: Chị Lê Thị H khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết nuôi con với anh Võ Văn T. Anh Võ Văn T có nơi cư trú tại tổ dân phố Trường Sơn, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Võ Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa của chị Lê Thị H và anh Võ Văn T được hình thành trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã Kỳ T, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là UBND phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh) ngày 22/7/2003. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ cH sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị Lê Thị H nguyên nhân mâu thuẫn do vợ cH thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù hiện tại chị và anh T đang sống cùng một nhà nhưng không nói chuyện với nhau, không quan tâm, sinh hoạt với nhau như vợ cH, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm. Tình cảm vợ cH không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị có nguyện vọng được ly hôn, giải phóng cho hai người để mỗi người có cuộc sống riêng, tốt đẹp hơn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Văn T cũng thừa nhận hiện vợ cH đang sống cùng một nhà nhưng không nói chuyện với nhau, không quan tâm, sinh hoạt

với nhau như vợ cH, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm, chị H kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ cH có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Võ Văn T không đạt được mục đích đó, xét thấy tình cảm vợ cH không còn, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình quy định: "*Vợ, cH hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn"*. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H được ly hôn với anh Võ Văn T.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Lê Thị H và anh Võ Văn T có 03 con chung là Võ Thị Hà P, sinh ngày: 27/11/2003; Võ Mạnh C, sinh ngày: 01/5/2005 và Võ Mạnh P, sinh ngày: 03/12/2012. Hiện Võ Thị Hà P và Võ Mạnh C đã trên 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có khả năng lao động nên việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đặt ra. Đối với cháu Võ Mạnh P, chị H và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phú. Xét thấy, nguyện vọng của chị Lê Thị H và anh Võ Văn T về việc nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, hiện cháu Phú đã trên 07 tuổi và đơn nguyện vọng được ở với mẹ; quá trình giải quyết vụ án anh Võ Văn T trình bày, nếu chị H kiên quyết muốn chăm sóc, nuôi dưỡng cháu thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu để giải quyết. Vì vậy, cần giao cháu Võ Mạnh P cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Lê Thị H không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày vợ cH không có nợ chung, không ai nợ vợ cH; bị đơn anh Võ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về con chung: Giao con Võ Mạnh P, sinh ngày: 03/12/2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Võ Văn T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai ngăn cấm cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008492 ngày 07/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Lê Thị H đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- UBND phường Kỳ T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hoàng

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 10 phút, ngày 30 tháng 9 năm 2024

Tại: Phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thạch

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Nghị

Bà Lê Thị Cẩm Vân

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, giữa:

Nguyên đơn Bà Mai Thị Huyền Sang

Bị đơn Ông Mai Châu Báu

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

- Quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Mai Châu Báu vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Kết quả biểu quyết 3/3, đạt 100%.

2. Về điều luật áp dụng

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết 3/3, đạt 100%.

3. Quyết định giải quyết.

3.1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Mai Thị Huyền Sang với ông Mai Châu Báu

Kết quả biểu quyết 3/3, đạt 100%.

3.2. Về nuôi con chung:

Chưa có con chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3, đạt 100%.

3.3. Về tài sản:

Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3, đạt 100%.

4. Các vấn đề khác

4.1. Về án phí:

Bà Mai Thị Huyền Sang phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008401 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

4.2. Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng.

Kết quả biểu quyết tất cả các vấn đề trên: 3/3 đồng ý.

Không có thành viên Hội đồng xét xử nào có ý kiến khác.

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thạch